TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS-ST
Ngày: 06-3-2023
V/v "*Tranh chấp chia di sản thừa kế"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Cang.

2. Bà Đỗ Thị Lài.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Thùy Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Bà Trần Thị Kiều Oanh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 27/02/2023 và ngày 06/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2021 về việc *"Tranh chấp chia di sản thừa kế"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 04/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1951; địa chỉ: tổ 4, khu phố 5, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

1.2. Bà Nguyễn Thị Thanh Đ, sinh năm 1953; địa chỉ: tổ 9, khu phố 1, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

1.3. Ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1956; địa chỉ: đường số 22, phường t, Quận m, Thành phố Hồ Chí Minh. (Đã chết)

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Q:

- Bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1959; địa chỉ: đường số 22, Phường t, Quận m, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Hoàng Thanh T2, sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: đường số 22, Phường t, Quận m, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện tại: 43 Constatine D, P, Vic. Australia. (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Thanh Hoàng N, sinh năm 1993; hộ khẩu thường trú: đường số 22, Phường t, Quận m, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện tại: 43 Constatine D, P, Vic. Australia. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1, bà T2, ông N: Ông Nguyễn Gia Đ1, sinh năm 1976; địa chỉ: tổ 4, khu phố 5, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

1.4. Bà Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm 1958; địa chỉ: tổ 3, khu phố T, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

1.5. Bà Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1960; địa chỉ: phường 2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

1.6. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1965; Đại chỉ: tổ 3, khu phố t, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn: Ông Nguyễn Gia Đ1, sinh năm 1976; địa chỉ: tổ 4, khu phố 5, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Giấy ủy quyền ngày 26/6/2017, số công chứng 13211, quyển số 06TP/CC-SCC/HĐGD. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thanh Thụy V, sinh năm 1985; địa chỉ: tổ 11, khu phố H, Phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Bùi Thị L, sinh năm 1954; địa chỉ: tổ 11, khu phố H, Phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

3.2. Bà Nguyễn Thanh Thùy V1, sinh năm 1987; địa chỉ: tổ 11, khu phố H, Phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

3.3. Bà Nguyễn Thanh Thùy D, sinh năm 1989; địa chỉ: tổ 11, khu phố H, Phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà D, bà V1: Bà Nguyễn Thanh Thụy V, sinh năm 1985; địa chỉ: tổ 11, khu phố H, Phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Theo Giấy ủy quyền ngày 21/8/2019. (có mặt)

3.4. Ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1968; đại chỉ: 32 W, Q, Austrail. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Cảnh: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1951; địa chỉ: tổ 4, khu phố 5, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3.5. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1931 (đã chết).

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà P:

- Ông Trương Thiên H1, sinh năm 1941; địa chỉ: P, B, CHLB Đức. (vắng mặt)

- Ông Hoàng Thiếu N1, sinh năm 1957; địa chỉ: CHLB Đức. (vắng mặt)

- Ông Trương Trọng T4, sinh năm 1963; địa chỉ: CHLB Đức. (vắng mặt)

- Ông Trương Trọng L1, sinh năm 1960; địa chỉ: CHLB Đức. (vắng mặt)

- Bà Trương Vũ Hoàng Y, sinh năm 1967; địa chỉ: CHLB Đức. (vắng mặt)

- Bà Châu Hoàng O, sinh năm 1964; địa chỉ: CHLB Đức. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1, ông N1, ông T4, ông L1, bà Y, bà O: Ông Nguyễn Gia Đ1, sinh năm 1976; địa chỉ: tổ 4, khu phố 5, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3.6. Bà Nguyễn Thị Ngọc H2, sinh năm 1987; địa chỉ:khu phố K, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như quá trình tham gia tố tụng đại diện các đồng nguyên đơn ông Nguyễn Gia Đ1 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 42, Tờ bản đồ số 24, diện tích 930m^2 (đo thực tế là 952,4m^2) tại địa chỉ khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Thanh S. Ông S có vợ là bà Nguyễn Thị T5, có tám người con chung là bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh Đ, ông Nguyễn Thanh Q, bà Nguyễn Thị Thanh T3, bà Nguyễn Thị Thanh X, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Thanh D2 và ông Nguyễn Thanh C. Ngoài ra không có con riêng hay con nuôi nào khác.

Năm 1989, ông S lập di chúc để lại tài sản trên cho bảy người con là bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh Đ, ông Nguyễn Thanh Q, bà Nguyễn Thị Thanh T3, bà Nguyễn Thị Thanh X, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Thanh D2. Năm 1999 ông D2 chết. Năm 2007 ông S chết. Năm 2015 bà T5 chết. Năm 2015 các nguyên đơn và chị Nguyễn Thanh Thụy V (là con của ông D2) làm thủ tục đứng tên chủ quyền đất và tài sản trên đất. Ngày 28/9/2015, UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất (sổ đỏ) số BS 466949. Sau khi được cấp sổ đỏ thì chị V đã tự ý xây kiot cho thuê mà không bàn bạc với các nguyên đơn.

Nay nguyên đơn yêu cầu chia di sản của ông Nguyễn Thanh S là quyền sử dụng đất thửa 42, Tờ bản đồ số 24, phường L, thành phố B và căn nhà tự gắn liền với đất, theo dỏ đỏ số BS 466949 ngày 28/9/2015. Di sản chia theo pháp luật cho bảy phần suất thừa kế là bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh Đ, ông Nguyễn Thanh Q, bà Nguyễn Thị Thanh T3, bà Nguyễn Thị Thanh X, ông Nguyễn Thanh H và ông Nguyễn Thanh D2. Ông Nguyễn Thanh Q đã chết nên phần của ông Q sẽ do bà Hoàng Thị T1 (là vợ), bà Nguyễn Hoàng Thanh T2 và ông Nguyễn Thanh Hoàng N (là con) hưởng. Ông Nguyễn Thanh D2 đã chết nên phần của ông D2 sẽ do bà Bùi Thị L (vợ ông D2), chị Nguyễn Thanh Thụy V, chị Nguyễn Thanh Thùy D, chị Nguyễn Thanh Thùy V1 (là con ông D2) hưởng.

Đối với bà Nguyễn Thị P là em gái của ông S có liên quan đến nguồn gốc tài sản tranh chấp, bà P sang Đức định cư từ lâu và đã chết năm 2011, chồng bà P là ông Trương Thiên H, các con bà P là ông Hoàng Thiếu N1, ông Trương Trọng T4, ông Trương Trọng L1, bà Trương Vũ Hoàng Y, bà Châu Hoàng O hiện đang định cư tại nước Đức và không có yêu cầu gì trong vụ án và không yêu cầu tham gia tố tụng nên đề nghị Tòa án không xem xét.

Đối với ông Nguyễn Thanh C là con ông S nhưng không có tên trong di chúc và ông C không có yêu cầu gì nên đề nghị Tòa án không chia di sản của ông S cho ông C.

Đối với tài sản do gia đình bị đơn tạo dựng trên phần đất do nguyên đơn được hưởng thì nguyên đơn đồng ý trả lại toàn bộ giá trị cho phía bị đơn.

Đối với việc thuê nhà của bà Nguyễn Thị Ngọc H2 trên đất tranh chấp thì nguyên đơn không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Nếu có tranh chấp thì sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Bà Trần Thị Châu T6 là người thuê nhà trên đất tranh chấp để kinh doanh thì không còn thuê nữa và đã dọn đồ đi cách đây một tháng nên đề nghị Hội đồng xét xử không đưa bà Trần Thị Châu T6 vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Nguyên đơn không có ý kiến gì và đồng ý với Mảnh trích đo địa chính số 86/2022 ngày 30/12/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B. Đối với phần diện tích 23,3m^2 thuộc một phần thửa 40, Tờ bản đồ số 02 giáp ranh với đất tranh chấp thì nguyên đơn không yêu cầu chia, không tranh chấp trong vụ án này. Nếu có tranh chấp thì sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Đối với phần diện tích 23,4m^2 thuộc một phần thửa 180, Tờ bản đồ 07 thì đề nghị Tòa án xác định đây là di sản thừa kế của ông S vì thực tế diện tích đất này do ông S và sau này là những người thừa kế cù ông S sử dụng ổn định và không có tranh chấp.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thanh Thụy V trình bày:

Đồng ý với phần trình bày của nguyên đơn về quan hệ nhân thân của ông Nguyễn Thanh S và nguồn gốc tài sản đang tranh chấp, về gia đình của bà P, các con bà P và ông C.

Năm 1989, ông S lập di chúc để lại tài sản là thửa 42, Tờ bản đồ số 24, phường L, thành phố B và căn nhà tự gắn liền với đất cho bảy người con là bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh Đ, ông Nguyễn Thanh Q, bà Nguyễn Thị Thanh T3, bà Nguyễn Thị Thanh X, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Thanh D2. Nội dung di chúc có ghi là để cho ông D2 là cha chị V ở lại căn nhà thờ tự để thờ phụng tổ tiên, trông coi đất đai và di chúc cũng có chữ ký của 06 người khác có tên trong di chúc.

Cha ruột chị V là ông Nguyễn Thanh D2 (chết năm 1999), mẹ chị V là bà Bùi Thị L, cha mẹ chị V có 03 người con là chị V, chị Nguyễn Thanh Thùy V1 và chị Nguyễn Thanh Thùy D. Chị V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ trước tới nay gia đình chị V ở trên tài sản tranh chấp, tất cả tài sản trên đất

hiện tại do cha mẹ chị V làm, sửa chữa và sử dụng. Năm 2015, chị V đã được các nguyên đơn ủy quyền cho chị V đi làm giấy tờ nhà đất và ngày 28/9/2015 được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền trên đất số BS 466949. Việc xây dựng hai kiot thì gia đình chị V có xin phép bà nội (vợ ông S) và đã được bà nội đồng ý, xây dựng vào năm 2009, trước khi được cấp giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước đó trên phần đất đó đã có công trình xây dựng, năm 2009 bão làm sập nên nhà chị V mới xin phép bà nội xây dựng lại hai kiot.

Nguyện vọng của gia đình chị V là được chia phần diện tích đất gắn liền với hai kiot và kéo dài cho đủ 200m^2 với 100m^2 đất thổ cư (Căn cứ vào Bản án sơ thẩm số 30/2019/DS-ST trước đây tuyên chia cho gia đình chị V được 75m^2 đất thổ cư). Để cho gia đình chị V có nơi ở sinh sống, trong trường hợp bị thu hồi đất theo quy hoạch sẽ đủ điều kiện để được tái định cư.

Trong trường hợp chia di sản thừa kế của ông S thì phải xem xét công sức bảo quản, giữ gìn tài sản của gia đình chị V, căn nhà tự gia đình chị V sửa lại, xây tường mới, thay rui, thay một số ngói, sửa lại nền, chỉ giữ lại nếp khung gỗ của căn nhà. Nguyên đơn phải trả lại giá trị tài sản do gia đình chị V xây dựng, tôn tạo trên phần đất nguyên đơn được hưởng.

Đối với việc thuê nhà trên đất tranh chấp của bà Nguyễn Thị Ngọc H2 không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nếu có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác. Bà Trần Thị Châu T6 là người thuê nhà trên đất tranh chấp để kinh doanh thì không còn thuê nữa và đã dọn đồ đi từ một tháng nay nên đề nghị Hội đồng xét xử không đưa bà Trần Thị Châu T6 vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Bị đơn không có ý kiến gì và đồng ý với Mảnh trích đo địa chính số 65/2022 ngày 30/12/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

3.1. Bà Bùi Thị L trình bày: Bà L đồng ý với lời trình bày của bà V. Bà L về và ở trên đất tranh chấp từ năm 1984, khi đó nhà đã hư hỏng hết nên bà L tiến hành sửa chữa và ở đó lo nhang khói, đám giỗ. Thuế sử dụng đất, chi phí làm giấy tờ đo đạc đất cũng do bà L đóng. Nếu nguyên đơn được hưởng bao nhiêu m^2 đất thổ cư thì hoàn lại tiền thuế mà bà L đã đóng suốt bao nhiêu năm nay. Bà L ở trên đất tranh chấp bị người ta chiếm đất (như bà Huỳnh Thị L, bà Nguyễn Thị Hồng H, ông Lê Văn N) thì bà L là người đứng ra giải quyết tranh chấp với họ để giữ đất còn các nguyên đơn không có ai đứng ra giải quyết. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho hợp tình, hợp lý.

3.2. *Bà Nguyễn Thị Ngọc H2 trình bày:* Bà H2 không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án này. Nếu trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung là nhà đất tại địa chỉ khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu mà bà H2 đang thuê thì đương sự nào được chia phần tài sản là mặt bằng mà bà H2 đang thuê theo hợp đồng thuê mặt bằng với bà V thì bà H2 sẽ liên hệ với đương sự đó để thỏa thuận thuê tiếp mặt bằng. Nếu họ không đồng ý cho bà H2 thuê tiếp nữa thì bà H2 sẽ chấm dứt Hợp đồng thuê

mặt bằng ngày 30/9/2022 đã ký kết với bà V và bà H2 tự nguyện di dời toàn bộ tài sản của mình trên mặt bằng thuê.

4. Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Các đương sự thỏa thuận được với nhau về vấn đề tranh chấp như sau:

- Di sản của ông Nguyễn Thanh S là quyền sử dụng diện tích đất 952,3m^2 theo Mảnh trích đo địa chính số 86/2022 ngày 30/12/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B thì 929m^2 thuộc thửa 42, Tờ bản đồ số 24 và 23,3m^2 thuộc thửa thửa 180, Tờ bản đồ 07 phường L, thành phố B cùng căn nhà tự gắn liền với đất. Diện tích đất 929m^2 thuộc thửa 42, Tờ bản đồ 24 phường L, thành phố B đã được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 466949 ngày 28/9/2015

- Di sản thừa kế của ông S chia cho bảy suất thừa kế hàng thứ nhất của ông Nguyễn Thanh S gồm: Bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh Đ, ông Nguyễn Thanh Q, bà Nguyễn Thị Thanh T3, bà Nguyễn Thị Thanh X, ông Nguyễn Thanh H và ông Nguyễn Thanh D2. Ông Nguyễn Thanh Q đã chết nên phần của ông Q sẽ do bà Hoàng Thị T1 (là vợ), bà Nguyễn Hoàng Thanh T2 và ông Nguyễn Thanh Hoàng N (là con) hưởng. Ông Nguyễn Thanh D2 đã chết nên phần của ông D2 sẽ do chị Nguyễn Thanh Thụy V, chị Nguyễn Thanh Thùy D, chị Nguyễn Thanh Thùy V1 (là con ông D2) hưởng.

- Các đồng nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh Đ, ông Nguyễn Thanh Q, bà Nguyễn Thị Thanh T3, bà Nguyễn Thị Thanh X, ông Nguyễn Thanh H được đồng quyền sử dụng diện tích 752,3m^2 đất (trong đó có 200m^2 đất ở và 552,3m^2 đất trồng cây lâu năm) có các điểm tọa độ 1C, 2, 3, 4A, 5, 6, 7, 2B, 3B, 4B, 6B, 5B, 10, 11, 12, 5C, 4C, 3C, 1C theo Mảnh trích đo địa chính số 86/2022 ngày 30/12/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B cùng toàn bộ nhà, công trình, vật kiến trúc và cây trồng trên diện tích đất nêu trên. Ông Nguyễn Thanh Q đã chết nên phần của ông Q sẽ do bà Hoàng Thị T1 (là vợ), bà Nguyễn Hoàng Thanh T2 và ông Nguyễn Thanh Hoàng N (là con) cùng hưởng.

- Những người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Thanh D2 là chị Nguyễn Thanh Thụy V, chị Nguyễn Thanh Thùy D, chị Nguyễn Thanh Thùy V1 được quyền sử dụng diện tích 200m^2 đất (trong đó có 100m^2 đất ở và 100m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc một phần thửa đất số 42, Tờ bản đồ số 24 phường L, thành phố B có các điểm tọa độ 1A, 2A, 3A, 4A, 1A theo Mảnh trích đo địa chính số 86/2022 ngày 30/12/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B cùng toàn bộ nhà, công trình, vật kiến trúc và cây trồng trên diện tích đất này.

- Các đồng nguyên đơn phải liên đới thanh toán cho bà Bùi Thị L (vợ ông D2), chị Nguyễn Thanh Thụy V, chị Nguyễn Thanh Thùy D, chị Nguyễn Thanh Thùy V1 (là con ông D2) số tiền hỗ trợ công sức giữ gìn di sản, cây trồng, công trình trên phần đất mà nguyên đơn được hưởng là 400.000.000đồng (Bốn trăm triệu đồng).

- Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí tố tụng.

- Về án phí: Các đương sự đồng ý chịu án phí theo quy định của pháp luật.

5. *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay thì những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1]. Các đồng nguyên đơn khởi kiện bà Nguyễn Thanh Thụy V để yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Thanh S để lại. Tài sản yêu cầu chia thừa kế là bất động sản tọa lạc tại thành phố B. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Q là bà Nguyễn Hoàng Thanh T2, ông Nguyễn Thanh Hoàng N; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh C, ông Trương Thiên H1, ông Hoàng Thiếu N1, ông Trương Trọng T4, ông Trương Trọng L1, bà Trương Vũ Hoàng Y, bà Châu Hoàng O đang định cư ở nước ngoài. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại các Điều 26, 37, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Các đồng nguyên đơn vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông Nguyễn Gia Đ1 và ông Đ1 có mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Nguyễn Thanh Thùy D vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thanh Thụy V và bà V có mặt. Ông Nguyễn Thanh C vắng mặt nhưng ông C đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thanh T, bà T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Trương Thiên H1, ông Hoàng Thiếu N1, ông Trương Trọng T4, ông Trương Trọng L1, bà Trương Vũ Hoàng Y, bà Châu Hoàng O vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông Nguyễn Gia Đ1 và ông Đ1 có mặt. Bà Nguyễn Thị Ngọc H2 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, phiên tòa xét xử vắng mặt các đồng nguyên đơn, bà D, ông Cảnh, ông H1, ông N1, ông T4, ông L1, bà Yến, bà Oanh, bà H2 là đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3]. Các đương sự xác nhận di sản của ông Nguyễn Thanh S là quyền sử dụng diện tích đất 952,3m^2, theo Mảnh trích đo địa chính số 86/2022 ngày 30/12/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B thì 929m^2 thuộc thửa 42, Tờ bản đồ số 24 và 23,3m^2 thuộc thửa thửa 180, Tờ bản đồ 07 phường L, thành phố B cùng căn nhà tự gắn liền với đất. Diện tích đất 929m^2 thuộc thửa 42, Tờ bản đồ 24 phường L, thành phố B đã được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 466949 ngày 28/9/201 và căn nhà tự trên đất. Bà Nguyễn

Thị P là em của ông S có liên quan đến tài sản đã chết, chồng trước của bà P là ông Đỗ Văn L đã chết, chồng sau của bà P là ông Trương Thiên H1 và các con bà P là ông Hoàng Thiếu N1, ông Trương Trọng T4, ông Trương Trọng L1, bà Trương Vũ Hoàng Y, bà Châu Hoàng O không yêu cầu hưởng gì trong vụ án này nên không xem xét.

Năm 1989, ông S lập di chúc để lại tài sản trên cho bảy người con là bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh Đ, ông Nguyễn Thanh Q, bà Nguyễn Thị Thanh T3, bà Nguyễn Thị Thanh X, ông Nguyễn Thanh H và ông Nguyễn Thanh D2. Năm 2007 ông S chết.

Vợ ông S là bà Nguyễn Thị T5 chết năm 2015, ông S và bà T5 có 8 người con là: Bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh Đ, ông Nguyễn Thanh Q, bà Nguyễn Thị Thanh T3, bà Nguyễn Thị Thanh X, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Thanh D2 và ông Nguyễn Thanh C.

Ông Nguyễn Thanh C không có tên trong di chúc và cũng không yêu cầu gì trong vụ án nên không xem xét.

Di sản của ông S để lại đang tranh chấp là quyền sử dụng diện tích đất 952,4m^2 theo Mảnh trích đo địa chính số 86/2022 ngày 30/12/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B thì 929m^2 thuộc thửa 42, Tờ bản đồ số 24 và 23,3m^2 thuộc thửa thửa 180, Tờ bản đồ 07 phường L, thành phố B cùng căn nhà tự gắn liền với đất. Diện tích đất 929m^2 thuộc thửa 42, Tờ bản đồ 24 phường L, thành phố B đã được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 466949 ngày 28/9/2015 chia cho 7 suất thừa kế được hưởng là bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh Đ, ông Nguyễn Thanh Q, bà Nguyễn Thị Thanh T3, bà Nguyễn Thị Thanh X, ông Nguyễn Thanh H và ông Nguyễn Thanh D2.

Ông Nguyễn Thanh D2 chết năm 1999 (chết trước ông S), nên phần của ông D2 thì các con của ông D2 là chị Nguyễn Thanh Thụy V, chị Nguyễn Thanh Thùy V1 và chị Nguyễn Thanh Thùy D được hưởng do thừa kế thế vị.

Ông Nguyễn Thanh Q chết ngày 26/10/2021 nên phần của ông Q được chia cho những người ở hàng thừa kế thứ nhất của ông Q là vợ và các con của ông Q gồm: Bà Hoàng Thị T1, bà Nguyễn Hoàng Thanh T2 và ông Nguyễn Thanh Hoàng N được hưởng.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H2 là người thuê nhà không có yêu cầu gì trong vụ án này, nếu có tranh chấp về việc thuê nhà thì sẽ yêu cầu khởi kiện bằng vụ án khác nên không xem xét.

Bà Trần Thị Châu T6 trước đây có thuê nhà trên đất tranh chấp nhưng nay không còn thuê và đã dọn đi. Hiện các đương sự không yêu cầu giải quyết việc bà T6 thuê nhà, vì vậy không đưa bà T6 vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm thì ông Đ1, bà V, bà L và bà V1 đã thỏa thuận được với nhau về các vấn đề tranh chấp. Việc thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện, không trái

pháp luật và đạo đức xã hội nên chấp nhận theo quy định tại Điều 246 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[4]. Từ những phân tích trên và theo đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Gia Đ1, bà Nguyễn Thanh Thụy V, bà Bùi Thị L, bà Nguyễn Thanh Thùy V1 như sau:

- Di sản của ông Nguyễn thanh S là quyền sử dụng diện tích đất 952,3m^2 theo Mảnh trích đo địa chính số 86/2022 ngày 30/12/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B thì 929m^2 thuộc thửa 42, Tờ bản đồ số 24 và 23,3m^2 thuộc thửa thửa 180, Tờ bản đồ 07 phường L, thành phố B cùng căn nhà tự gắn liền với đất. Diện tích đất 929m^2 thuộc thửa 42, Tờ bản đồ 24 phường L, thành phố B đã được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 466949 ngày 28/9/2015.

- Di sản thừa kế của ông Nguyễn Thanh S chia cho bảy suất thừa kế của ông Nguyễn Thanh S là bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh Đ, ông Nguyễn Thanh Q, bà Nguyễn Thị Thanh T3, bà Nguyễn Thị Thanh X, ông Nguyễn Thanh H và ông Nguyễn Thanh D2. Ông Nguyễn Thanh Q đã chết nên phần của ông Q sẽ do bà Hoàng Thị T1 (là vợ), bà Nguyễn Hoàng Thanh T2 và ông Nguyễn Thanh Hoàng N (là con) hưởng. Ông Nguyễn Thanh D2 đã chết nên phần của ông D2 sẽ do chị Nguyễn Thanh Thụy V, chị Nguyễn Thanh Thùy D, chị Nguyễn Thanh Thùy V1 (là con ông D2) hưởng thừa kế thế vị.

- Các đồng nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh Đ, ông Nguyễn Thanh Q, bà Nguyễn Thị Thanh T3, bà Nguyễn Thị Thanh X, ông Nguyễn Thanh H được đồng quyền sử dụng diện tích 752,3m^2 đất (trong đó có 200m^2 đất ở và 552,3m^2 đất trồng cây lâu năm) có các điểm tọa độ 1C, 2, 3, 4A, 5, 6, 7, 2B, 3B, 4B, 6B, 5B, 10, 11, 12, 5C, 4C, 3C, 1C theo Mảnh trích đo địa chính số 86/2022 ngày 30/12/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B cùng toàn bộ nhà, công trình, vật kiến trúc và cây trồng trên diện tích đất nêu trên. Ông Nguyễn Thanh Q đã chết nên phần của ông Q sẽ do bà Hoàng Thị T1 (là vợ), bà Nguyễn Hoàng Thanh T2 và ông Nguyễn Thanh Hoàng N (là con) cùng hưởng.

- Những người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Thanh D2 là chị Nguyễn Thanh Thụy V, chị Nguyễn Thanh Thùy D, chị Nguyễn Thanh Thùy V1 được quyền sử dụng diện tích 200m^2 đất (trong đó có 100m^2 đất ở và 100m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc một phần thửa đất số 42, Tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại phường L, thành phố B có các điểm tọa độ 1A, 2A, 3A, 4A, 1A theo Mảnh trích đo địa chính số 86/2022 ngày 30/12/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B cùng toàn bộ nhà, công trình, vật kiến trúc và cây trồng trên diện tích đất này.

- Các đồng nguyên đơn phải liên đới thanh toán cho bà Bùi Thị L (vợ ông D2), chị Nguyễn Thanh Thụy V, chị Nguyễn Thanh Thùy D, chị Nguyễn Thanh Thùy V1 (là con ông D2) số tiền hỗ trợ công sức giữ gìn di sản, cây trồng, công trình trên phần đất mà nguyên đơn được hưởng là 400.000.000đồng (bốn trăm triệu đồng).

[5]. Về chi phí đo vẽ, thẩm định, định giá tài sản: Nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

[6]. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Các đồng nguyên đơn gồm bà Nguyễn Thị Thanh T; bà Nguyễn Thị Thanh Đ; ông Nguyễn Thanh Q (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Hoàng Thị T1, bà Nguyễn Hoàng Thanh T2 và ông Nguyễn Thanh Hoàng N); bà Nguyễn Thị Thanh T3; bà Nguyễn Thị Thanh X; ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 76.654.240 đồng (Bảy mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi tư nghìn, hai trăm bốn mươi đồng). Trong đó phần án phí dân sự sơ thẩm của mỗi người phải chịu là 12.775.707đồng. Bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh Đ, bà Nguyễn Thị Thanh T3, bà Nguyễn Thị Thanh X, bà Hoàng Thị T1 đều là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và có đơn xin miễn án phí nên miễn phần án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh Đ, bà Nguyễn Thị Thanh T3, bà Nguyễn Thị Thanh X, bà Hoàng Thị T1.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Q gồm: Bà Nguyễn Hoàng Thanh T2 và ông Nguyễn Thanh Hoàng N phải chịu 8.517.138đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thanh Thụy V, bà Nguyễn Thanh Thùy D, bà Nguyễn Thanh Thùy V1 chịu án phí dân sự sơ thẩm là 35.888.000đồng (Ba mươi lăm triệu tám trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 37, 39, 147, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, 167 Luật đất đai; Điều 609, 611, 612, 613, 614, 620, 652 của Bộ luật Dân sự; Các Điều 12, 14, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là ông Nguyễn Gia Đ1 với bà Nguyễn Thanh Thụy V, bà Bùi Thị L, bà Nguyễn Thanh Thùy V1 về việc "Tranh chấp chia di sản thừa kế"

Tuyên xử:

1/ Di sản của ông Nguyễn Thanh S là quyền sử dụng diện tích đất 952,3m^2, theo Mảnh trích đo địa chính số 86/2022 ngày 30/12/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B thì 929m^2 thuộc thửa 42, Tờ bản đồ số 24 và 23,3m^2 thuộc thửa thửa 180, Tờ bản đồ 07 phường L, thành phố B cùng căn nhà tự gắn liền với đất. Diện tích đất 929m^2 thuộc thửa 42, Tờ bản đồ 24 phường L, thành phố B đã được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 466949 ngày 28/9/2015.

2/ Di sản thừa kế của ông Nguyễn Thanh S chia cho bảy suất thừa kế của ông Nguyễn Thanh S là bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh Đ, ông Nguyễn

Thanh Q, bà Nguyễn Thị Thanh T3, bà Nguyễn Thị Thanh X, ông Nguyễn Thanh H và ông Nguyễn Thanh D2. Ông Nguyễn Thanh Q đã chết nên phần của ông Q sẽ do bà Hoàng Thị T1 (là vợ), bà Nguyễn Hoàng Thanh T2 và ông Nguyễn Thanh Hoàng N (là con) hưởng. Ông Nguyễn Thanh D2 đã chết nên phần của ông D2 sẽ do chị Nguyễn Thanh Thụy V, chị Nguyễn Thanh Thùy D, chị Nguyễn Thanh Thùy V1 (là con ông D2) hưởng thừa kế thế vị.

3/ Các đồng nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh Đ, ông Nguyễn Thanh Q, bà Nguyễn Thị Thanh T3, bà Nguyễn Thị Thanh X, ông Nguyễn Thanh H được quyền sử dụng diện tích 752,3m^2 đất (trong đó có 200m^2 đất ở và 552,3m^2 đất trồng cây lâu năm) có các điểm tọa độ 1C, 2, 3, 4A, 5, 6, 7, 2B, 3B, 4B, 6B, 5B, 10, 11, 12, 5C, 4C, 3C, 1C theo Mảnh trích đo địa chính số 86/2022 ngày 30/12/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B cùng toàn bộ nhà, công trình, vật kiến trúc và cây trồng trên diện tích đất. Ông Nguyễn Thanh Q đã chết nên phần của ông Q sẽ do bà Hoàng Thị T1 (là vợ), bà Nguyễn Hoàng Thanh T2 và ông Nguyễn Thanh Hoàng N (là con) hưởng.

- Bà Nguyễn Thanh Thụy V, bà Nguyễn Thanh Thùy D, bà Nguyễn Thanh Thùy V1 được quyền sử dụng diện tích 200m^2 đất (trong đó có 100m^2 đất ở và 100m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc một phần thửa đất số 42, Tờ bản đồ số 24 phường L, thành phố B có các điểm tọa độ 1A, 2A, 3A, 4A, 1A theo Mảnh trích đo địa chính số 86/2022 ngày 30/12/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B cùng toàn bộ nhà, công trình, vật kiến trúc và cây trồng trên diện tích đất nêu trên.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để tách thửa, sang tên quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với phần tài sản được hưởng theo quyết định của bản án này.

Bà Nguyễn Thanh Thụy V có nghĩa vụ giao nộp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 466949 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 28/9/2015 cho cơ quan có thẩm quyền để thực hiện chỉnh lý, cấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà các bên đương sự được hưởng theo quyết định tại bản án này.

(Kèm theo bản án là Mảnh trích đo địa chính số 86/2022 ngày 30/12/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B).

4/ Các đồng nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh Đ, bà Nguyễn Thị Thanh T3, bà Nguyễn Thị Thanh X, ông Nguyễn Thanh H, bà Hoàng Thị T1, bà Nguyễn Hoàng Thanh T2 và ông Nguyễn Thanh Hoàng N phải liên đới thanh toán cho bà Bùi Thị L, bà Nguyễn Thanh Thụy V, bà Nguyễn Thanh Thùy D, bà Nguyễn Thanh Thùy V1 số tiền hỗ trợ công sức giữ gìn di sản, cây trồng, công trình trên phần đất mà nguyên đơn được hưởng là 400.000.000đồng (bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự.

5/ Về chi phí đo vẽ, thẩm định, định giá tài sản: Nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

6/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh Đ, bà Nguyễn Thị Thanh T3, bà Nguyễn Thị Thanh X, bà Hoàng Thị T1 được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh Đ, bà Nguyễn Thị Thanh T3, bà Nguyễn Thị Thanh X mỗi người 18.500.000đồng (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng) theo các Biên lai thu số 0002695, số 0002694, số 0002692, số 0002691 ngày 22/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

- Bà Nguyễn Hoàng Thanh T2, ông Nguyễn Thanh Hoàng N phải chịu 8.517.138đồng (Tám triệu năm trăm mười bảy nghìn một trăm ba mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 18.500.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0002693 ngày 22/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Hoàn trả lại cho bà Hoàng Thị T1, bà Nguyễn Hoàng Thanh T2, ông Nguyễn Thanh Hoàng N số tiền 9.982.862đồng (Chín triệu chín trăm tám mươi hai nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng).

- Ông Nguyễn Thanh H phải chịu 12.775.707đồng (Mười hai triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm lẻ năm đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.500.000 đồng theo biên lai thu số 0002690 ngày 22/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thanh H số tiền 5.724.295đồng (Năm triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm chín mươi lăm đồng).

- Bà Nguyễn Thanh Thụy V, bà Nguyễn Thanh Thùy D, bà Nguyễn Thanh Thùy V1 chịu án phí dân sự sơ thẩm là 35.888.000đồng (Ba mươi lăm triệu tám trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/3/2023) các đương sự có mặt có quyền kháng cáo. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết để kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- VKS nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục THA tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THA thành phố B;
- Tổ HC-TP (VP);
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Minh Châu